| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ C**<br>**TỈNH KHÁNH HÒA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 82/2018/QĐST-HNGĐ | *C, ngày 12 tháng 11 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông **NGUYỄN LÊ NGỌC L** – sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường C1, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Bà **TRẦN THỊ THU T** - sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường C1, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Lê Ngọc L và bà Trần Thị Thu T tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2011 có làm đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân phường C1, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 07/2011; quyển số 01/2010 ngày 26/01/2011, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông L và bà T sống tại tổ dân phố P, phường C1, thành phố C, tỉnh Khánh Hoà. Thời gian đầu vợ chồng ông, bà sống với nhau hòa thuận hạnh phúc và đã có với nhau 02 con chung, nhưng đến tháng 6 năm 2017 vợ chồng ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau, từ đầu tháng 3 năm 2018 đến nay mặc dù vợ chồng ông, bà cùng sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, nay vợ chồng ông, bà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng không thành, vì vậy ông, bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nên cần áp dụng Điều 55 Luật

Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của vợ chồng ông, bà.

[2] *Về con chung:* Ông Nguyễn Lê Ngọc L và bà Trần Thị Thu T trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trần Anh T - sinh ngày 02/02/2012 và cháu Nguyễn Trần Anh K - sinh ngày 05/3/2015; vợ chồng ông L, bà T thỏa thuận như sau: Ông Nguyễn Lê Ngọc L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Anh T - sinh ngày 02/02/2012 và cháu Nguyễn Trần Anh K - sinh ngày 05/3/2015. Bà T không cấp dưỡng nuôi con chung, nên áp dụng vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông, bà.

[3] *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Lê Ngọc L và bà Trần Thị Thu T tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

[4] *Về lệ phí*: Ông Nguyễn Lê Ngọc L và bà Trần Thị Thu T nộp lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật;

- *Về các vấn đề khác*: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Lê Ngọc L và bà Trần Thị Thu T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ông Nguyễn Lê Ngọc L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Anh T - sinh ngày 02/02/2012 và cháu Nguyễn Trần Anh K - sinh ngày 05/3/2015; bà Trần Thị Thu T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Lê Ngọc L và bà Trần Thị Thu T đều yêu cầu để vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Ông Nguyễn Lê Ngọc L nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn; bà Trần Thị Thu T nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn. nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000111 ngày 17/10/2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Nguyễn Lê Ngọc L và bà Trần Thị Thu T đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

***Quy định:***

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND TP C;*
- *Chi cục THADS TP C;*
- *UBND phường C1;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

**THẨM PHÁN**

**TRƯƠNG VĂN VƯƠNG**